

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 12/2006/TT-BCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/2005/NĐ-CP
ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về an toàn hoá chất.**

*Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 5 năm 2003 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 68/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về an toàn hoá chất.*

Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 68/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về an toàn hoá chất (sau đây gọi là Nghị định số 68/2005/NĐ-CP) như sau:

A. QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng

- Thông tư này hướng dẫn các hoạt động về quản lý an toàn hóa chất bao gồm: khai báo hoá chất nguy hiểm; đánh giá hoá chất mới; phiếu an toàn hoá chất; phân loại và ghi nhãn hóa chất; kế hoạch ngăn ngừa, khắc phục sự cố hoá chất; khoảng cách an toàn và báo cáo an toàn hoá chất.
- Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động hoá chất nguy hiểm theo quy định tại Nghị định số 68/2005/NĐ-CP, trừ một trong các hoá chất sau:
 - Hóa chất quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 68/2005/NĐ-CP;
 - Hóa chất phục vụ cho mục đích an ninh, quốc phòng;
 - Các loại sản phẩm, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học phục vụ cho mục đích chữa bệnh, nuôi trồng động thực vật, trừ dịch hại, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng,

y tế, thủy sản, nông nghiệp;

d) Hóa chất có trong thiên nhiên và chưa qua chế biến, xử lý;

đ) Các kim loại, hợp kim, thủy tinh, gốm sứ sử dụng trong lĩnh vực xây dựng, gia dụng hoặc gia công cơ khí;

e) Các chất phát sinh ngoài ý muốn trong quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng hóa chất;

g) Các hoá chất trung gian tạo thành trong quá trình sản xuất và không tồn tại khi kết thúc sản xuất;

h) Các sản phẩm polyme hoặc các hợp chất polyme có hóa chất mới hoặc hóa chất nguy hiểm ở hàm lượng nhỏ hơn 2% theo khối lượng.

II. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Danh mục hoá chất nước ngoài*” là bản liệt kê hóa chất được phép lưu hành trong các quốc gia là thành viên của EU hoặc quốc gia là thành viên của OECD, do cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia đó ban hành.

2. “*Khai báo hóa chất nguy hiểm*” là thủ tục mà tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất thực hiện khi có các hoạt động liên quan đến hóa chất nguy hiểm theo quy định tại phần B Thông tư này.

3. “*Khoảng cách an toàn*” là khoảng cách theo mọi hướng tính từ tâm đặt thiết bị sản xuất, chứa đựng hoá chất nguy hiểm đến một vị trí, địa điểm bất kỳ quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 68/2005/NĐ-CP của Chính phủ về An toàn hoá chất, sao cho tại vị trí đó nồng độ hoá chất nguy hiểm do cháy, nổ lan truyền từ các thiết bị trong trường hợp sự cố đạt mức nhỏ hơn ngưỡng định lượng quy định tại khoản 1, mục I, phần G Thông tư này.

4. *IUPAC* là tên viết tắt của Hiệp hội hoá học cơ bản và ứng dụng (International Union of Pure and Applied Chemistry).

5. “*Mã số CAS*” của một hóa chất là dãy các chữ số duy nhất ấn định cho mỗi hoá chất theo quy tắc của tổ chức Chemical Abstracts Service (CAS).

6. “OECD” là tên viết tắt của tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (Organisation for Economic Co-operation and Development).

7. “*Phiếu an toàn hóa chất*” là tài liệu ở dạng văn bản được biên soạn theo quy định tại phần D Thông tư này. Phiếu an toàn hóa chất còn có tên thông dụng bằng tiếng Anh là *Material safety data sheet (MSDS)* hoặc *Safety data sheets (SDS)*.

III. Phân loại hoá chất nguy hiểm

1. Căn cứ vào đặc tính nguy hiểm hoá chất nguy hiểm được phân loại thành các dạng sau:

- a) Dễ nổ;
- b) Ôxi hoá mạnh;
- c) Ăn mòn mạnh;
- d) Dễ cháy;
- đ) Độc cấp tính;
- e) Độc mãn tính;
- g) Gây kích ứng với con người;
- h) Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư;
- i) Gây biến đổi gen;
- k) Độc đối với sinh sản;
- l) Tích lũy sinh học;
- m) Ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ;
- n) Độc hại đến môi trường.

Tiêu chí để phân loại hóa chất nguy hiểm, chỉ thị mức nguy hiểm và các biểu tượng nguy hiểm quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Mọi hoá chất xuất hiện trong các hoạt động hoá chất theo quy định của Thông tư này đều phải được phân loại. Hóa chất có ít nhất một trong những tính chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 mục này phải được phân loại là hóa chất nguy hiểm.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu hóa chất có trách nhiệm thu thập, xác lập các thông tin về đặc tính hoá lý cũng như các ảnh hưởng có hại của hóa chất và tiến hành phân loại hóa chất trước khi sản xuất hoặc nhập khẩu.

4. Việc xếp loại hóa chất phải dựa trên các bằng chứng khoa học hoặc các kết quả thử nghiệm từ một trong các nguồn thông tin hợp lệ sau:

a) Báo cáo kết quả thử nghiệm, đánh giá hoá chất của tổ chức được Bộ Công nghiệp chỉ định hoặc tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi tổ chức đó có trụ sở công nhận.

b) Các bằng chứng chỉ rõ loại hóa chất sản xuất, nhập khẩu đã được xếp loại theo phương pháp phân loại hoặc theo danh mục hóa chất nguy hiểm của các quốc gia thuộc khối EU hoặc quốc gia là thành viên của tổ chức OECD.

5. Trường hợp có sự khác biệt về bằng chứng hoặc kết quả đánh giá từ nhiều nguồn thông tin hợp lệ khác nhau, những bằng chứng hoặc kết quả chỉ ra đặc tính hoá chất có mức độ nguy hiểm cao hơn sẽ được sử dụng để xếp loại.

6. Trường hợp có những bằng chứng hoặc kết quả thử nghiệm mới cho thấy hoá chất đã phân loại biểu hiện một mức độ nguy hiểm khác với mức phân loại ban đầu, tổ chức cá nhân sản xuất, nhập khẩu hoá chất có trách nhiệm sửa đổi lại mức phân loại hoá chất nguy hiểm.

7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hoá chất phải chịu trách nhiệm về thông tin phân loại hoá chất do mình cung cấp. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hoá chất phải bồi thường các thiệt hại cho người sử dụng trong trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có nguyên nhân do thông tin phân loại đã cung cấp được chứng minh là không chính xác hoặc không được cập nhật do lỗi của người cung cấp hoá chất.

B. KHAI BÁO HOÁ CHẤT NGUY HIỂM

I. Trách nhiệm khai báo hóa chất nguy hiểm

1. Vào tháng 01 hàng năm, tổ chức, cá nhân có hoạt động hóa chất nguy hiểm với khối lượng hạn định quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này phải khai báo bằng văn bản đến cơ quan tiếp nhận khai báo quy định tại khoản 1, mục II phần này.

2. Ngoại trừ các hoá chất thuộc danh mục cấm kinh doanh và các chất có khả năng gây ung thư, tổ chức, cá nhân có hoạt động hoá chất phục vụ cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học với khối lượng hoá chất nguy hiểm nhỏ hơn 10 kg trong thời gian một năm được miễn trừ các hình thức khai báo quy định tại mục II phần này.

II. Thủ tục khai báo hoá chất nguy hiểm

1. Cơ quan tiếp nhận khai báo:

Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Sở Công nghiệp) tiếp nhận hồ sơ khai báo đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, sử dụng hóa chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 mục I phần này thuộc địa bàn quản lý.

Vụ Cơ khí, Luyện kim và Hoá chất tiếp nhận hồ sơ khai báo đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoá chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 mục I phần này.

2. Hồ sơ khai báo

Tổ chức, cá nhân khai báo lập 02 hai bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

a) Phiếu an toàn hóa chất tiếng Việt và bản tiếng nguyên gốc hoặc tiếng Anh của hoá chất phải khai báo. Trường hợp hoá chất đã được khai báo trước đó, tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất nguy hiểm không phải nộp lại phiếu an toàn hoá chất và thay bằng bản xác nhận khai báo ở thời điểm gần nhất.

b) Bản khai báo hoá chất nguy hiểm có chữ ký của người đứng đầu cơ sở hoạt động hoá chất và theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này.

III. Quản lý khai báo hóa chất nguy hiểm

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hoá chất nguy hiểm phải lưu giữ hồ sơ khai báo, tài liệu liên quan đến xếp loại hoá chất và báo cáo kịp thời trong các trường hợp xảy ra sự cố về hoá chất nguy hiểm. Khi chấm dứt hoạt động hoá chất nguy hiểm phải thông báo cho cơ quan tiếp nhận khai báo.

2. Sở Công nghiệp lập sổ quản lý khai báo và tổng hợp tình hình, kết quả khai báo về hoá chất nguy hiểm của địa phương, định kỳ tháng 3 hàng năm báo cáo Bộ Công nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân đã thực hiện đăng ký các hoá chất theo quy định tại Quyết định số 136/2004/QĐ-BCN ngày 19 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công nghiệp được miễn thực hiện việc khai báo trong năm đầu tiên sau khi Thông tư này có hiệu lực.

C. ĐÁNH GIÁ HÓA CHẤT MỚI

I. Đánh giá hóa chất mới